TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:152/2021/ HNGĐ-ST
Ngày:15/4/2021
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phước Mãng

Ông Lâm Thuận Quang

Thư kýphiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa:Bà Nguyễn ThịThanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày15/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Chung Bích Vân Th, sinh nămX;Địa chỉ thường trú: B, Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm Y;Địa chỉ thường trú: B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: M, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày06/11/2020,lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Chung Bích Vân Thtrình bày:

Ông Thvà bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2009 ngày 14/02/2009 của Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận N.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, không chia sẻ được với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Từ tháng 12/2015 vợ chồng ly thân, ông Th đã dọn đi nơi khác sống cho đến nay, không còn quan tâm, không nói chuyện với nhau. Năm 2018 ông Th đã nộp đơn xin ly hôn nhưng bị tòa án bác đơn. Nay nhận thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa ông Th đã có tình cảm với người phụ nữ khác nên ông xin ly hôn với bà T.Hiện ông Th có con một tuổi với người phụ nữ khác.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Chung Tiểu V, sinh ngày H và trẻ Chung Tiểu D, sinh ngày L. Ông Th đồng ý giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Th cấp dưỡng nuôi con cho mỗi trẻ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng cho đến khi hai trẻ trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà Tvà ông Chung Bích Vân Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như ông Thtrình bày.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà T phát hiện ông Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Dù đã cố hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Từ năm 2015 ông Th đi nơi khác sống, bà T và hai con vẫn sống chung với cha mẹ chồng cho đến nay. Năm 2018, ông Th có nộp đơn xin ly hôn, nhưng sau đó Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu của ông Th. Từ sau khi Tòa án bác đơn đến nay vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung do hai bên không thể ngồi lại nói chuyện với nhau, thậm chí từ đó đến nay không còn gặp mặt nhau ngoại trừ các lần gặp nhau để nói chuyện ly hôn.Bà T xác định hiện nay ông Thkhông còn tình cảm với bà.Tuy nhiên bà T không đồng ý ly hôn ông Th vì còn thương chồng, bà vẫn muốn chờ đợi ông Th quay về hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Nếu trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Ththì bà T đồng ý trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung vàđồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông Th là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng cho mỗi trẻ cho đến khi các trẻ trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòavà những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; ghi nhận thỏa thuận của các đương sự về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận có tình cảm và có con với người khác trong khi đang tồn tại hôn nhân với bị đơn cho thấy nguyên đơn vi phạm chế độ một vợ một chồng làm cho quan hệ hôn nhân của vợ chồng dẫn đến ly hôn. Kiến nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra đề xử lý hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2009 ngày 14/02/2009 của Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận N thì ông Chung Bích Vân Th và bà Nguyễn Thị Hồng T có mối

quan hệ hôn nhân hợp pháp.Bà Tđang thực tế cư trú tại Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.Nay ông Thcó đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39Bộ luật tố tụng dân sự2015.

[2] Về hôn nhân: Theo ông Th thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, không chia sẻ được với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Từ tháng 12/2015 vợ chồng ly thân, ông Th đã dọn đi nơi khác sống cho đến nay, không còn quan tâm, không nói chuyện với nhau. Năm 2018 ông Th đã nộp đơn xin ly hôn nhưng bị tòa án bác đơn. Tại phiên tòa, ông Th xác nhận đã có con một tuổi với người phụ nữ khác.

Phía bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 do bà T phát hiện ông Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2015 ông Th đi nơi khác sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau khi Tòa án bác đơn ly hôn của ông Ththì vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung do hai bên không thể ngồi lại nói chuyện với nhau, thậm chí từ đó đến nay không còn gặp mặt nhau ngoại trừ các lần gặp nhau để nói chuyện ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:“ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…..” nhưng ở đây đôi bên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau để vun đắp cho cuộc sống gia đình và không còn cùng nhau chung sống từ 6 năm nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” việc bà T cho rằng còn thương chồng không muốn ly hôn nhưng từ năm 2015 đến nay vợ chồng không còn sống chung, bà cũng thừa nhận vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện với nhau. Mặt khác từ năm 2018, Tòa án đã bác đơn xin ly hôn của ông Th để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng từ đó đến nay tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.Nay ôngTh xin được ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của ông là phù hợp.

[3]Về con chung: Ông Th đồng ý giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Th cấp dưỡng nuôi con cho mỗi trẻ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng cho đến khi hai trẻ trưởng thành.

Phía bà T đồng ý trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông Th là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng cho mỗi trẻ cho đến khi các trẻ trưởng thành.

Như vậy, việc thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là do hai bên tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

Thời gian thực hiện cấp dưỡng là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻ trưởng thành.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: ông Th và bà Tuyết xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Ông Chung Bích Vân Thphải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 kiến nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra xử lý hình sự tội vi phạm chế độ một vợ một chồngđối với ông Chung Bích Vân Th. HĐXX xét thấy tại phiên tòa ông Th có khai là đã có con chung với người phụ nữ khác. Mặc dù lời trình bày trên của ông Th không có gì chứng minh nhưng nếu đúng như vậy thì có dấu hiệu ông Th vi phạm chế độ một vợ, một chồng mà pháp luật đã quy định nên HĐXX thống nhất kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39,điểm bkhoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 19, 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Điểm b khoản 1 Điều 13 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chung Bích Vân Th đối với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2009 (Ngày, tháng, năm đăng ký: 14/02/2009) của Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận N cấp cho ông Chung Bích Vân Th và bà Nguyễn Thị Hồng Tkhông còn giá trị pháp lý.

2/Về con chung:

a/Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Chung Tiểu V, sinh ngày H và trẻ Chung Tiểu D, sinh ngày L.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Chung Bích Vân Th cấp dưỡng nuôi con cho mỗi trẻ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) một tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các trẻtrưởng thành.

- Ông Chung Bích Vân Th có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

b/ Kể từ ngày bàNguyễn Thị Hồng Tcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu ôngChung Bích Vân Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Thcòn phải trả lãi cho bà Tvới mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chung Bích Vân Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng, được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)tiền tạm ứng án phí mà ông Th (do ông Nguyễn Hiếu N đại diện) đã nộp theo biên lai thu số 0010767 ngày 13/11/2020của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh. Ông Th còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
-UBND BQuận NTP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu